

# **Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## **NỘI DUNG**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 34

# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 2200208753 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong kỳ hiện hành của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên
Ông Tô Minh Chăng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên độc lập

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng ban
Ông Võ Văn Sĩ	Thành viên
Ông Lý Thái Hưng	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Ngọc Kim	Phó Tổng Giám đốc

miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2021

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hoàng Việt.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2021



Số tham chiếu: 61119180/22634183-LR/HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (“Công ty”) và công ty con (“Nhóm Công ty”), được lập vào ngày 18 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 8 năm 2021



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.980.617.825.892</b>	<b>1.221.006.445.462</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>604.208.808.077</b>	<b>268.186.019.385</b>
111	1. Tiền		69.831.061.444	95.376.734.831
112	2. Các khoản tương đương tiền		534.377.746.633	172.809.284.554
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>9.516.255.000</b>	<b>9.538.607.055</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		9.516.255.000	9.538.607.055
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>352.546.277.975</b>	<b>305.226.250.052</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	306.973.150.337	313.808.070.568
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	55.060.467.370	4.533.521.421
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	21.387.049.535	17.759.047.330
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(30.874.389.267)	(30.874.389.267)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>975.887.308.984</b>	<b>608.296.710.838</b>
141	1. Hàng tồn kho	10	975.887.308.984	608.296.710.838
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>38.459.175.856</b>	<b>29.758.858.132</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	10.000.732.641	10.167.191.604
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	16	28.458.443.215	19.591.666.528
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>547.235.528.013</b>	<b>490.155.113.441</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>4.200.000.000</b>	<b>4.200.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		4.200.000.000	4.200.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>293.069.081.675</b>	<b>307.817.700.830</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	292.332.114.828	307.095.358.751
222	Nguyên giá		825.035.892.177	799.384.412.587
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(532.703.777.349)	(492.289.053.836)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	736.966.847	722.342.079
228	Nguyên giá		1.820.215.710	1.770.215.710
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.083.248.863)	(1.047.873.631)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>82.617.223.736</b>	<b>6.989.374.635</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	82.617.223.736	6.989.374.635
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>167.349.222.602</b>	<b>171.148.037.976</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	161.914.898.570	165.460.995.012
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	5.434.324.032	5.687.042.964
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.527.853.353.905</b>	<b>1.711.161.558.903</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.046.958.267.571</b>	<b>630.014.419.183</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.036.720.517.071</b>	<b>619.648.166.683</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	99.505.867.539	50.803.800.873
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.687.930.096	6.171.653.659
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.008.912.280	18.053.678.103
314	4. Phải trả người lao động		39.841.355.636	36.458.025.798
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	27.489.854.477	48.085.824.328
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	6.638.987.749	5.096.823.842
320	7. Vay ngắn hạn	19	854.003.976.565	442.463.650.908
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.543.632.729	12.514.709.172
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>10.237.750.500</b>	<b>10.366.252.500</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	735.000.000	635.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	9.502.750.500	9.731.252.500
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.480.895.086.334</b>	<b>1.081.147.139.720</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21.1</b>	<b>1.480.895.086.334</b>	<b>1.081.147.139.720</b>
411	1. Vốn cổ phần		588.500.000.000	490.440.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		588.500.000.000	490.440.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		337.409.977.202	190.679.077.202
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		372.898.291.910	400.028.062.518
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		272.491.589.961	174.065.116.179
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		100.406.701.949	225.962.946.339
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		182.086.817.222	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.527.853.353.905</b>	<b>1.711.161.558.903</b>



Lý Thị Thu Hồng  
Người lập



Tô Minh Chăng  
Kế toán trưởng





Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2021



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	1. Doanh thu về bán hàng	22.1	2.134.001.465.232	1.593.455.701.007
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(4.627.069.200)	(7.977.829.570)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	22.1	2.129.374.396.032	1.585.477.871.437
11	4. Giá vốn hàng bán	23	(1.952.582.164.266)	(1.439.639.940.501)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		176.792.231.766	145.837.930.936
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	21.272.817.611	16.402.000.394
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(14.451.086.748) (8.461.833.693)	(11.857.878.860) (5.772.808.090)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(35.160.133.322)	(27.293.571.669)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(36.059.240.349)	(27.947.646.904)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		112.394.588.958	95.140.833.897
31	11. Thu nhập khác		991.344.570	91.219.182
32	12. Chi phí khác		(40.935.252)	(393.640.840)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		950.409.318	(302.421.658)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		113.344.998.276	94.838.412.239
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(198.268.914)	(2.305.803.886)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	(252.718.932)	(460.371.082)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		112.894.010.430	92.072.237.271
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	21.1	105.555.813.974	92.072.237.271
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.1	7.338.196.456	-
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.4	1.913	1.633
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.4	1.913	1.633



Lý Thị Thu Hồng  
Người lập



Tô Minh Chẳng  
Kế toán trưởng



  
Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>113.344.998.276</b>	<b>94.838.412.239</b>
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ")	11, 12	41.373.290.550	36.137.294.658
03	(Hoàn nhập dự phòng) các khoản dự phòng		(228.502.000)	77.682.500
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.143.584.938	(1.090.580.568)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.447.354.225)	(5.146.939.524)
06	Chi phí lãi vay	24	8.461.833.693	5.772.808.090
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>157.647.851.232</b>	<b>130.588.677.395</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(11.840.619.145)	(102.691.922.101)
10	Tăng hàng tồn kho		(367.590.598.146)	(197.487.310.261)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		26.647.088.088	(50.738.127.315)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		3.712.555.405	(77.821.542.608)
14	Tiền lãi vay đã trả		(8.394.739.917)	(5.535.282.402)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.181.733.928)	(6.703.636.324)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(37.419.549.000)	(19.584.568.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(250.419.745.411)</b>	<b>(329.973.711.616)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ		(137.376.623.073)	(43.550.338.244)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		59.090.909	56.363.636
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(4.400.000.000)	(5.916.255.000)
24	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		4.422.352.055	5.016.255.000
25	Tiền thu từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		46.265.345.233	-
27	Tiền thu lãi ngân hàng		5.633.157.118	6.076.457.857
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(85.396.677.758)</b>	<b>(38.317.516.751)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	21.1	360.790.900.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	19	2.041.150.145.165	1.612.691.958.820
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(1.632.245.457.683)	(1.147.384.810.520)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	21.2	(98.088.000.000)	(73.566.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>671.607.587.482</b>	<b>391.741.148.300</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
50	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ</b>		<b>335.791.164.313</b>	<b>23.449.919.933</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>268.186.019.385</b>	<b>244.106.573.376</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		231.624.379	854.485.883
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>5</b>	<b>604.208.808.077</b>	<b>268.410.979.192</b>



Lý Thị Thu Hồng  
Người lập



Tô Minh Chăng  
Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) Số 2200208753 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là: 4.246 (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 4.036).

### **Cơ cấu tổ chức**

Công ty có một công ty con như trình bày bên dưới và đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty:

*Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An (“Khang An”)*

Khang An là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN Số 2200780985 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 8 năm 2020, và các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Khang An là chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản. Khang An có trụ sở chính đăng ký tại Lô B, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty nắm 51,54% vốn cổ phần và quyền biểu quyết trong Khang An (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 0% phần vốn cổ phần và quyền biểu quyết).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi cổ đông của Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được Nhóm Công ty ghi nhận với phương pháp như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- kê khai thường xuyên, chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- kiểm kê định kỳ, giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- kiểm kê định kỳ, giá vốn nguyên vật liệu trực tiếp, bao gồm chi phí con giống và chi phí thức ăn

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
Phần mềm vi tính	3 - 6 năm
Tài sản khác	5 - 6 năm

#### 3.6 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ khi phát sinh.

#### 3.7 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ dụng cụ*

Công cụ dụng cụ với giá trị lớn xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn được hạch toán vào khoản mục chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng vào ngày 13 tháng 6 năm 2007, ngày 4 tháng 10 năm 2012, ngày 4 tháng 2 năm 2020 và ngày 4 tháng 3 năm 2020 trong thời hạn từ 48 - 50 năm; và
- Giá trị quyền sử dụng đất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn sau năm 2003.

Theo Thông tư 45, các khoản tiền thuê đất nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng còn lại.

#### 3.8 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

► *Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.14 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

#### 3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Nhóm Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm. Trong đó, doanh thu thủy sản chiếm 97% trong tổng doanh thu. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh - thủy sản và khu vực địa lý - Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

#### 3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Nhóm Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

## 4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

### 4.1 Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)**

**4.2 Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An**

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 19 tháng 8 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 18 tháng 10 năm 2020, vào ngày 5 tháng 1 năm 2021, Công ty đã góp vốn bằng tiền là 58.672.571.401 VND và bằng tài sản là 121.727.428.599 VND vào Khang An. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Khang An là 51,54% và Khang An trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt tại quỹ	477.601.380	414.373.069
Tiền gửi ngân hàng	69.353.460.064	94.962.361.762
Các khoản tương đương tiền (*)	534.377.746.633	172.809.284.554
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>604.208.808.077</b>	<b>268.186.019.385</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3% đến 4%/năm.

**6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Số cuối kỳ thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ sáu (6) tháng đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3,5% đến 4,9%/năm.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Amanda Seafood Private Limited	171.640.450.436	142.742.556.168
Các khách hàng khác	135.332.699.901	171.065.514.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>306.973.150.337</b>	<b>313.808.070.568</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(17.786.389.267)	(17.786.389.267)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>289.186.761.070</b>	<b>296.021.681.301</b>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty TNHH Anh Phát	16.425.344.100	-
Công ty TNHH Tư vấn – Xây dựng Việt Kiến Tường	9.665.000.000	-
Laitram Machinery Inc.	9.109.280.000	-
Công ty TNHH Cơ nhiệt Vinh Quang	6.725.664.000	-
Các bên khác	13.135.179.270	4.533.521.421
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.060.467.370</b>	<b>4.533.521.421</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tạm ứng cho việc giải phóng mặt bằng	13.088.000.000	13.088.000.000
Khu Công nghiệp Cái Cồn	3.241.483.920	-
Tiền bồi thường bảo hiểm	2.376.257.363	621.151.165
Trích trước lãi tiền gửi	1.251.062.470	214.274.665
Tạm ứng cho nhân viên	1.430.245.782	3.835.621.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.387.049.535</b>	<b>17.759.047.330</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(13.088.000.000)	(13.088.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>8.299.049.535</b>	<b>4.671.047.330</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Thành phẩm	515.908.958.108	440.070.936.099
Hàng gửi đi bán	256.856.071.544	86.213.390.137
Nguyên vật liệu	104.022.870.682	37.189.976.994
Công cụ, dụng cụ và bao bì	54.963.827.429	34.253.122.172
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.127.623.895	-
Hàng mua đang đi trên đường	9.007.957.326	10.569.285.436
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>975.887.308.984</b>	<b>608.296.710.838</b>

Như được trình bày trong *Thuyết minh số 19*, Nhóm Công ty đã thế chấp toàn bộ hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND					
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	237.551.358.074	492.311.490.075	50.647.642.192	11.988.388.701	6.885.533.545	799.384.412.587
Mua mới	9.968.328.976	3.865.036.253	8.462.077.912	-	-	22.295.443.141
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	3.963.821.989	108.430.810	-	-	81.975.455	4.154.228.254
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	125.000.000	-	-	125.000.000
Thanh lý, xóa sổ	-	(18.429.900)	(904.761.905)	-	-	(923.191.805)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>251.483.509.039</u>	<u>496.266.527.238</u>	<u>58.329.958.199</u>	<u>11.988.388.701</u>	<u>6.967.509.000</u>	<u>825.035.892.177</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>58.605.409.260</i>	<i>168.944.980.054</i>	<i>4.560.746.420</i>	<i>5.038.934.823</i>	<i>5.503.110.045</i>	<i>242.653.180.602</i>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	133.591.360.607	322.542.368.798	21.826.411.633	8.093.103.513	6.235.809.285	492.289.053.836
Khấu hao trong kỳ	10.416.817.626	26.220.351.689	3.806.210.566	707.381.193	187.154.244	41.337.915.318
Thanh lý, xóa sổ	-	(18.429.900)	(904.761.905)	-	-	(923.191.805)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>144.008.178.233</u>	<u>348.744.290.587</u>	<u>24.727.860.294</u>	<u>8.800.484.706</u>	<u>6.422.963.529</u>	<u>532.703.777.349</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>103.959.997.467</u>	<u>169.769.121.277</u>	<u>28.821.230.559</u>	<u>3.895.285.188</u>	<u>649.724.260</u>	<u>307.095.358.751</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>107.475.330.806</u>	<u>147.522.236.651</u>	<u>33.602.097.905</u>	<u>3.187.903.995</u>	<u>544.545.471</u>	<u>292.332.114.828</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Giá trị tài sản thế chấp (Thuyết minh số 19)</i>	<i>78.352.760.021</i>	<i>112.808.530.782</i>	<i>27.194.425.834</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>218.355.716.637</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.085.118.900	485.595.610	199.501.200	1.770.215.710
Mua mới	-	50.000.000	-	50.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>1.085.118.900</u>	<u>535.595.610</u>	<u>199.501.200</u>	<u>1.820.215.710</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	485.595.610	199.501.200	685.096.810
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	362.776.821	485.595.610	199.501.200	1.047.873.631
Hao mòn trong kỳ	10.375.230	25.000.002	-	35.375.232
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>373.152.051</u>	<u>510.595.612</u>	<u>199.501.200</u>	<u>1.083.248.863</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>722.342.079</u>	-	-	<u>722.342.079</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>711.966.849</u>	<u>24.999.998</u>	-	<u>736.966.847</u>

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Dự án Nhà máy Thủy sản Tam An	51.578.950.806	-
Dự án Nhà máy Thủy sản Sao Ta	18.409.126.663	3.424.599.091
Vấn phòng Khang An	8.378.321.366	-
Máy móc đang chờ lắp đặt	4.250.824.901	61.931.425
Dự án kho lạnh	-	1.878.693.948
Chi phí phát triển dự án nuôi tôm	-	1.624.150.171
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>82.617.223.736</b></u>	<u><b>6.989.374.635</b></u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	<b>10.000.732.641</b>	<b>10.167.191.604</b>
<b>Dài hạn</b>	<b>161.914.898.570</b>	<b>165.460.995.012</b>
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	73.191.150.310	75.234.635.471
Quyền sử dụng đất	69.547.550.774	70.156.041.676
Chi phí cải tạo ao	17.050.704.364	17.379.310.762
Chi phí bảo trì tài sản cố định	2.125.493.122	2.691.007.103
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>171.915.631.211</u></b>	<b><u>175.628.186.616</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Kyokuyo Company Limited	28.142.505.683	15.779.728.568
Công ty TNHH Bao bì XK & TM Vạn Thành	13.607.742.863	4.994.752.290
Các bên khác	57.755.618.993	30.029.320.015
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>99.505.867.539</u></b>	<b><u>50.803.800.873</u></b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số tăng trong kỳ	Số được hoàn trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	<u>19.591.666.528</u>	<u>41.563.745.226</u>	<u>(32.696.968.539)</u>	<u>28.458.443.215</u>
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số tăng trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	4.871.944.175	7.867.614.523	(10.928.915.332)	1.810.643.366
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.181.733.928	198.268.914	(13.181.733.928)	198.268.914
Thuế tài nguyên môi trường	-	69.328.000	(69.328.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.053.678.103</u></b>	<b><u>8.135.211.437</u></b>	<b><u>(24.179.977.260)</u></b>	<b><u>2.008.912.280</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí thuế chống bán phá giá	12.247.212.638	41.641.340.582
Chi phí vận chuyển và cước tàu	3.954.312.842	1.111.831.846
Chi phí hoa hồng	2.589.239.521	1.101.647.131
Khác	8.699.089.476	4.231.004.769
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>27.489.854.477</u></b>	<b><u>48.085.824.328</u></b>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.638.987.749</b>	<b>5.096.823.842</b>
Kinh phí công đoàn	6.078.841.742	5.026.631.242
Khác	560.146.007	70.192.600
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	<b>735.000.000</b>	<b>635.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.373.987.749</u></b>	<b><u>5.731.823.842</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY NGẮN HẠN**

	VND				
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số phát sinh trong kỳ			Ngày 30 tháng 6 năm 2021
		Tăng	Giảm	Đánh giá lại	
Vay ngân hàng (*)	442.463.650.908	2.041.150.145.165	(1.632.245.457.683)	2.635.638.175	854.003.976.565

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	Số tiền (VND)	Nguyên tệ (USD)			
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng</b>					
Vay USD	486.527.748.080	21.045.634	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2021 đến ngày 17 tháng 3 năm 2022	2% - 2,3%	Nhà xưởng, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (Thuyết minh số 11)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng</b>					
Vay USD	355.778.582.640	15.388.347	Từ ngày 12 tháng 9 năm 2021 đến ngày 28 tháng 1 năm 2022	2,3% – 2,7%	Nhà cửa và máy móc thiết bị tại nhà máy Tin An (Thuyết minh số 11) Hàng tồn kho (Thuyết minh số 10) Ao nuôi tôm Xuân Phú (Thuyết minh số 14)
<b>Ngân hàng Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ</b>					
Vay USD	10.228.277.365	442.400	Ngày 12 tháng 9 năm 2021	2%	Tín chấp
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Cần Thơ</b>					
Vay USD	1.469.368.480	63.554	Ngày 17 tháng 12 năm 2021	2,5%	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>854.003.976.565</b>	<b>36.939.935</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Số dư này thể hiện khoản trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc.

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	490.440.000.000	190.712.077.202	257.605.758.880	-	938.757.836.082
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	92.072.237.271	-	92.072.237.271
Cổ tức đã công bố	-	-	(49.044.000.000)	-	(49.044.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(34.496.642.701)	-	(34.496.642.701)
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>490.440.000.000</u>	<u>190.712.077.202</u>	<u>266.137.353.450</u>	<u>-</u>	<u>947.289.430.652</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	490.440.000.000	190.679.077.202	400.028.062.518	-	1.081.147.139.720
Phát hành cổ phiếu	98.060.000.000	146.730.900.000	-	116.000.000.000	360.790.900.000
Góp vốn vào công ty con	-	-	-	53.599.508.741	53.599.508.741
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	105.555.813.974	7.338.196.456	112.894.010.430
Thay đổi lợi ích giữa các bên	-	-	(5.149.112.025)	5.149.112.025	-
Cổ tức đã chi trả	-	-	(98.088.000.000)	-	(98.088.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(29.448.472.557)	-	(29.448.472.557)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>588.500.000.000</u>	<u>337.409.977.202</u>	<u>372.898.291.910</u>	<u>182.086.817.222</u>	<u>1.480.895.086.334</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu kỳ	490.440.000.000	490.440.000.000
Tăng vốn trong kỳ (*)	98.060.000.000	-
Số cuối kỳ	588.500.000.000	490.440.000.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố (**)	98.088.000.000	49.044.000.000
Cổ tức đã trả	98.088.000.000	73.566.000.000
Cổ tức phải trả	-	49.044.000.000

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (“NQĐHĐCĐ”) Bất thường Số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 10 năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 9.806.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 25.000 VND/ cổ phiếu vào ngày 10 tháng 3 năm 2021. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty được tăng lên 588.500.000.000 VND theo GCNĐKDN Số 2200208753 điều chỉnh lần thứ 23 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 29 tháng 3 năm 2021.

(\*\*) Vào ngày 29 tháng 1 năm 2021, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền tại mức 20% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 5 tháng 1 năm 2021, phù hợp với NQĐHĐCĐ Thường niên 2020 ngày 12 tháng 6 năm 2020 và NQĐHĐCĐ Thường niên 2021 ngày 16 tháng 4 năm 2021.

**21.3 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cổ phiếu được phép phát hành	58.850.000	49.044.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	58.850.000	49.044.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	58.850.000	49.044.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.4 Lãi trên cổ phiếu**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (VND)	105.555.813.974	92.072.237.271
Trừ: Quý khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(11.999.253.844)
<b>Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)</b>	<b>105.555.813.974</b>	<b>80.072.983.427</b>
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	55.165.978	49.044.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.913	1.633
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.913	1.633

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020 theo NQĐHĐCĐ Thường niên 2021 ngày 16 tháng 4 năm 2021.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ, Nhóm Công ty chưa có quyết định phê duyệt trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021. Do đó, lợi nhuận sau thuế được dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 chưa được điều chỉnh cho khoản trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi, nếu có.

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.134.001.465.232</b>	<b>1.593.455.701.007</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng thủy sản</i>	<i>2.066.247.909.307</i>	<i>1.530.445.197.307</i>
<i>Doanh thu bán hàng nông sản</i>	<i>67.753.555.925</i>	<i>63.010.503.700</i>
<b>Trừ:</b>		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<b>(4.627.069.200)</b>	<b>(7.977.829.570)</b>
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>2.129.374.396.032</b>	<b>1.585.477.871.437</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng thủy sản</i>	<i>2.061.729.765.307</i>	<i>1.522.467.367.737</i>
<i>Doanh thu bán hàng nông sản</i>	<i>67.644.630.725</i>	<i>63.010.503.700</i>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU** (tiếp theo)

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.884.554.295	10.939.623.750
Lãi tiền gửi	7.388.263.316	5.462.376.644
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.272.817.611</u></b>	<b><u>16.402.000.394</u></b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Giá vốn hàng thủy sản	1.911.110.395.088	1.407.769.744.953
Giá vốn hàng nông sản	41.471.769.178	31.870.195.548
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.952.582.164.266</u></b>	<b><u>1.439.639.940.501</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí lãi vay	8.461.833.693	5.772.808.090
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.989.253.055	6.085.070.770
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.451.086.748</u></b>	<b><u>11.857.878.860</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí vận chuyển	42.807.582.028	23.874.901.075
Chi phí thuế chống bán phá giá (*)	(29.394.127.944)	(15.970.230.266)
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 17	12.247.212.638	-
- (Hoàn nhập chi phí đã trích trước) chi phí trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 16	(41.641.340.582)	7.533.596.084
- Hoàn nhập chi phí đã trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 15	-	(11.374.025.821)
- Hoàn nhập chi phí đã tạm ứng cho đợt rà soát hành chính lần thứ 13	-	(12.129.800.529)
Chi phí hoa hồng	3.712.116.434	3.624.822.712
Chi phí nhân viên	1.948.055.369	1.356.523.635
Khác	16.086.507.435	14.407.554.513
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>35.160.133.322</u></b>	<b><u>27.293.571.669</u></b>

(\*) Đây là khoản chi phí thuế chống bán phá giá áp dụng cho các công ty xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ theo yêu cầu của luật thuế chống bán phá giá của Bộ Thương mại Mỹ được tính toán và thu bởi Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Mỹ trước khi hàng hóa được nhập khẩu vào Mỹ.

Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đã hoàn tất thỏa thuận với bên Nguyên đơn để chấm dứt việc kiện chống Nhóm Công ty bán phá giá cho đợt rà soát hành chính lần thứ 14, lần thứ 15 và lần thứ 16. Theo đó, Nhóm Công ty chỉ phải trả chi phí thỏa thuận và không phải trả thêm bất kỳ chi phí thuế chống bán phá giá nào khác cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2018 đến ngày 31 tháng 1 năm 2021.

Thuế suất chống bán phá giá sau cùng áp dụng cho Nhóm Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 chưa được xác định. Do vậy, số thuế phải trả và chi phí thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Bộ Thương mại Mỹ.

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nhân viên	23.328.978.009	16.706.922.208
Thuế và phí	3.555.316.472	2.812.828.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.145.325.644	2.042.935.573
Chi phí khấu hao và hao mòn	587.478.628	84.127.470
Khác	6.442.141.596	6.300.833.630
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>36.059.240.349</u></b>	<b><u>27.947.646.904</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nguyên vật liệu	2.033.588.460.333	1.491.776.694.618
Chi phí nhân viên	255.639.049.409	165.695.417.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.743.752.812	53.349.448.781
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	41.373.290.550	36.137.294.658
Khác	50.301.539.544	39.015.711.756
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.461.646.092.648</u></b>	<b><u>1.785.974.567.649</u></b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Từ năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty áp dụng Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, hướng dẫn về thuế TNDN và Công văn số 1327/CT-TTr từ Cục thuế Tỉnh Sóc Trăng ngày 1 tháng 12 năm 2015. Chi tiết như sau:

- ▶ Đối với hoạt động hàng nông sản và thủy sản ở vùng đặc biệt khó khăn, Nhóm Công ty được miễn thuế TNDN trong suốt thời gian hoạt động; và
- ▶ Đối với hoạt động hàng thủy sản ở vùng khó khăn, Nhóm Công ty được hưởng thuế suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	198.268.914	2.305.803.886
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	252.718.932	460.371.082
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>450.987.846</u></b>	<b><u>2.766.174.968</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**28.1 Chi phí thuế TNDN** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>113.344.998.276</b>	<b>94.838.412.239</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	22.668.999.655	18.967.682.447
Chi phí không được trừ	1.991.052	78.728.170
Thuế TNDN được miễn giảm	(22.220.002.861)	(16.280.235.649)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>450.987.846</b>	<b>2.766.174.968</b>

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**28.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Trích trước chi phí thuế chống bán phá giá	1.224.721.264	4.164.134.058	(2.939.412.794)	(384.042.974)
Dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả	818.422.750	973.125.250	(154.702.500)	7.768.250
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	533.591.679	533.591.679	-	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(7.831.350)	16.191.977	(24.023.327)	(84.096.358)
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	2.865.419.689	-	2.865.419.689	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>5.434.324.032</b>	<b>5.687.042.964</b>		
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>(252.718.932)</b>	<b>(460.371.082)</b>
<b>Lỗi chuyển sang từ năm trước</b>				

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 28.654.196.888 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 0 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày</i>		<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
			<i>30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	
2021	2026	28.654.196.888	-	-	28.654.196.888

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Nhóm Công ty cũng đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗ lũy kế nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	35.113.460.000	17.556.730.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn	Chia cổ tức Bán hàng	16.178.000.000 2.062.846.500	8.089.000.000 3.048.898.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	11.925.320.000	5.962.660.000

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát (“BKS”) trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch HĐQT	1.171.516.000	1.754.563.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT	670.000.000	1.120.000.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.179.216.000	1.772.163.000
Ông Tô Minh Chăng	Thành viên HĐQT	796.986.000	1.108.003.000
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT	434.000.000	84.000.000
Ông Đặng Kiệt Tường	Thành viên HĐQT	-	500.000.000
Bà Triệu Mai Lan	Thư ký HĐQT	356.564.000	414.018.000
Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng BKS	573.200.000	345.115.000
Ông Nguyễn Văn Nguyên	Trưởng BKS	-	400.000.000
Ông Võ Văn Sĩ	Thành viên BKS	265.550.000	358.820.000
Ông Lý Thái Hưng	Thành viên BKS	265.425.000	124.478.000
Ông Triệu Tương Long	Thành viên BKS	-	380.000.000
Ông Chung Thanh Tâm	Thành viên BKS	-	300.000.000
Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc	713.566.000	892.213.000
Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	695.436.000	805.518.000
Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc	642.295.000	821.517.000
Bà Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc	566.516.000	-
Bà Dương Ngọc Kim	Phó Tổng Giám đốc	-	829.328.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>8.330.270.000</b>	<b>12.009.736.000</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đến 1 năm	-	59.791.120
Trên 1 – 5 năm	-	239.164.480
Trên 5 năm	29.824.365.811	30.025.677.852
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.824.365.811</b>	<b>30.324.633.452</b>

***Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Nhóm Công ty có ký kết các hợp đồng thi công công trình và mua sắm máy móc thiết bị cho Dự án Nhà máy của Nhóm Công ty. Nghĩa vụ cam kết trong tương lai được thể hiện như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dự án nhà máy	163.574.557.050	4.200.000.000
Dự án kho lạnh	-	459.925.455
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>163.574.557.050</b>	<b>4.659.925.455</b>

**31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngoại tệ các loại:		
Đô la Mỹ (USD)	2.701.005	2.349.638
Yên Nhật (JPY)	1.356.459	764.243
Euro (EUR)	173	178
Nợ khó đòi đã xử lý (VND):		
Các khoản phải thu khác	-	1.299.390.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

  
\_\_\_\_\_  
Lý Thị Thu Hồng  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
Tô Minh Chăng  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc



Ngày 18 tháng 8 năm 2021